| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN M**<br>**THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Đôc lập - Tư do - Hanh phúc |

*Số:* 223*/2023/QĐST/HNGĐ*

*M, ngày 26 tháng 7 năm 2023.*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 227/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2023, giữa:

**- Nguyên đơn: Anh Trần Huy H1,** sinh năm 1988;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn P, xã T, huyện M, thành phố H.

**- Bị đơn: Chị Đỗ Thị H2,** sinh năm 1988;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn P, xã T, huyện M, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 42/2008, ngày 12/3/2008, tại UBND xã T, huyện M, thành phố H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/7/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1.** ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*** Anh Trần Huy H1 và chị Đỗ Thị H2.

***2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:***

**- Về con chung**: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Thanh A, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2009; Trần Thanh B, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2012 và Trần Quốc C, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2014.

Giao cháu cả 03 con chung là Trần Thanh A, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2009; Trần Thanh B, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2012 và Trần Quốc C, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2014 cho anh H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi (Nếu không có sự thay đổi khác);

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H1 đối với chị H2 (Nếu không có sự thay đổi khác). Sau khi ly hôn chị H2 có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ**: Không yêu cầu, không xem xét.

- **Về án phí:** Anh H1 tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận anh H1 đã nộp đủ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0021177 ngày 17/72023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Hoàn trả lại anh H1 số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai trên.

***3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.***

***Nơi nhận:***
- *VKSND M.*
- *Chi cục THADS M.*
- *CQ đã thực hiện việc ĐKKH*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ; VP.*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Định**